

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 124/2020/TLST-VDS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

- Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1989, địa chỉ: khu phố Z, phường Z1, thành phố Z2, tỉnh Bình Dương.

- Bà Trương Thị M, sinh năm 1989, địa chỉ: khu phố Z, phường Z1, thành phố Z2, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản thỏa thuận về ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, ông bà xác định tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm vào ngày 28/12/2012 có đăng ký kết hôn theo số 02 quyền 90/2012 tại UBND xã Tuy Phước, huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không thể sống chung được. Nay tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn

Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Ngọc Quế Tr, sinh ngày 03/5/2014. Sau khi ly hôn ông Tứ sẽ nuôi cháu Trần Ngọc Quế Tr, sinh ngày 03/5/2014. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản thỏa thuận, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà ông Trần Ngọc T với bà Trương Thị M

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Ngọc Quế Tr, sinh ngày 03/5/2014. Sau khi ly hôn ông Trần Văn T sẽ nuôi cháu Trần Ngọc Quế Tr, sinh ngày 03/5/2014. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Bà Trương Thị M có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc T với bà Trương Thị M mỗi người nộp 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0041734 ngày 12/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp.Thủ Dầu Một;
- UBND xã Tuy Phước;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm